

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN THỐT NỐT  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2020/HS-ST

Ngày: 16 - 6 - 2020

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Khúc Thị Hồng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Trần Thúy Kiên – Nguyên Hiệu trưởng trường THPT Thuận Hưng

Ông Trần Thanh Hoài – Phó Trưởng phòng Tư pháp quận Thốt Nốt

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận thốt Nốt, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Kim Xa - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 53/2020/HSST ngày 27 tháng 5 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2020/HSST-QĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020, đối với bị cáo:

**Nguyễn Quốc T**, sinh năm 2000; ĐKTT: khu vực A, phường B, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: hòa hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L, năm sinh: 1959 và bà Nguyễn Thị Kim S, sinh năm 1973; Bị cáo có 01 người em ruột, sinh năm 2007; vợ: chưa có; tiền sự: Không; tiền án: có 01 tiền án, ngày 31/01/2018 bị Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/5/2019. Bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ công an quận Thốt Nốt từ ngày 12/03/2020 cho đến nay.

*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*

***Người bị hại:***

1. Nguyễn Hoàng G (Giàu), sinh năm 1978, có mặt
2. Phạm Thị N, sinh năm 1972, yêu cầu xét xử vắng mặt
3. Nguyễn Thị Huỳnh M, sinh ngày 15/7/2008, yêu cầu xét xử vắng mặt

Giám hộ cháu M: ông Nguyễn Hoàng G – cha ruột

Cùng nơi cư trú: khu vực C, phường D, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện cho chị N và cháu M: ông Nguyễn Hoàng G.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:***

1. Nguyễn Thị Kim S, sinh năm 1973, *có mặt*

Nơi cư trú: khu vực A, phường B, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

2. Nguyễn G D, sinh năm 1996, *có mặt*

Nơi cư trú: khu vực A, phường B, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

3. Nguyễn Tuấn T (Tí), sinh năm 2001, *có mặt*

Nơi cư trú: khu vực E, phường B, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

4. Võ Tuấn A, sinh năm 1987, *vắng không lý do*

5. Võ Tuấn E, sinh năm 1990, *có mặt*

Cùng nơi cư trú: khu vực F, phường B, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

***Người làm chứng:***

Đặng Kim Văn T, sinh năm 1984, *có mặt*

Nơi cư trú: khu vực G, phường I, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 23 giờ 50 phút ngày 19/12/2019, do không có tiền tiêu xài nên Nguyễn Quốc T đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của người khác để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Thực hiện ý định của mình, T điện thoại nhờ Nguyễn Tuấn T (Tí) đến nhà rước chở đi công chuyện dùm, thì T đồng ý. T điều khiển xe mô tô biển số 69AL – 003.02 chạy đến nhà T để chở T. Sau đó T điều khiển xe để chở T chạy dọc trên tuyến QL 91 hướng về quận Thốt Nốt, khi chạy tới dốc cầu sắt Thơm Rơm, T rẽ phải chạy vào đường lộ nông thôn được một đoạn thì phát hiện nhà anh Nguyễn Hoàng G ở khu vực E, phường F, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ, ngủ nhưng không đóng cửa nhà, T chờ T chạy qua khỏi nhà anh G một đoạn thì dừng xe lại, T xuống xe rồi kêu T chạy xe về và dặn T khi nào T gọi thì đến rước T về dùm. Sau khi T chạy xe đi, T đi lại gần nhà anh G đứng quan sát thấy không có ai nên leo rào đột nhập vào bên trong sân nhà, T nhìn thấy anh G đang ngủ phía trước cửa, nên T đi thẳng vào bên trong nhà thì thấy chị Phạm Thị N đang ngủ trong phòng, kế bên có để cái điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A8 nên T vén màn lấy cái điện thoại để vào túi quần sau bên phải rồi tiếp tục vào phòng ngủ của em Nguyễn Thị Huỳnh M phát hiện có 01 cái điện thoại di động nhãn hiệu Asus Zen fone 2 cũng đang để trong phòng nên vén màn lấy trộm, thấy trên tường trong phòng ngủ của M có treo cái quần của anh G nên đến lục và phát hiện bên trong có tiền, T lấy trộm được số tiền 7.400.000đ, T nhìn xung quanh thấy trên kệ ti vi gần đó có

để 02 cái túi xách nữ, lấy trộm 02 túi xách và treo rào ra ngoài. Sau khi lấy trộm được tài sản, T kiểm tra thấy bên trong 02 túi xách không có tài sản và điện thoại hiệu Asus mở không lên nguồn nên đã ném bỏ gần hiện trường, sau đó điện thoại cho T đến rước T về dùm.

Sáng hôm sau T đem điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A8 bán cho anh Đặng Kim Văn T, chủ cửa hàng điện thoại di động T ở khu vực G, phường F, quận Ô Môn được số tiền 1.200.000đ. Bán điện thoại xong, T về trả nợ cho T 600.000đ, trả nợ cho Võ Tuấn A 3.500.000đ, số tiền còn lại tiêu xài cá nhân.

Quá trình điều tra có thu giữ:

- 01 điện thoại di động hiệu Oppo F7, màu đỏ, gắn sim 0939357715;
- 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu trắng, không sim;
- 01 điện thoại di động hiệu Fox fone, gắn sim 0765979497;
- 01 xe mô tô biển số 69AL 003.02.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 03/BKL.HĐĐGTS ngày 21/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân quận Thốt Nốt, kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A8 trị giá 3.000.000đ và 01 điện thoại di động hiệu Asus zen fone 2 trị giá 1.200.000đ. Tổng trị giá 02 điện thoại di động là: 4.200.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: quá trình điều tra anh Nguyễn Hoàng G yêu cầu T phải trả lại cho anh số tiền 7.400.000đ và bồi thường chiếc điện thoại của Phạm Thị N (vợ anh G) bị mất trị giá 3.000.000đ.

Tại bản Cáo trạng số 58/CT-VKSTN ngày 26 tháng 5 năm 2020 Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt, truy tố bị cáo Nguyễn Quốc T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Đề nghị áp dụng: Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h, i khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T mức án tù 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584; 585; 589 Bộ luật dân sự 2015.

Đề nghị ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền 10.400.000đ, trong đó bồi thường cho Nguyễn Hoàng G số tiền 7.400.000 đồng và bồi thường cho Phạm Thị N 3.000.000đ.

Về hình phạt bổ sung: miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị:

Trả lại 01 điện thoại di động hiệu Oppo F7, màu đỏ, gắn sim 0939357715 cho Nguyễn Thị Kim S.

Trả lại 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu trắng, không sim và 01 điện thoại di động hiệu Fox fone, gắn sim 0765979497 cho Nguyễn G D.

Trả lại 01 xe mô tô biển số 69AL - 003.02 do Chu Hoàng T đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe cho anh Võ Tuấn E.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thừa nhận T bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố.

Bị cáo nói lời sau cùng: xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Thốt Nốt, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt nhưng đã có lời khai trong quá trình điều tra, việc vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án; căn cứ vào Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Quốc T đã thừa nhận hành vi phạm tội. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra, lời khai của bị hại, sơ đồ hiện trường và qua thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Quốc T đã phạm tội Trộm cắp tài sản. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự 2015. Như vậy, Cáo trạng số 58/CT-VKSTN ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt, truy tố bị cáo về tội danh và khung hình phạt như trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Bị cáo mong muốn có tiền tiêu xài cá nhân, đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của người khác, để thực hiện ý định của mình, bị cáo điện thoại kêu Nguyễn Tuấn T (Tí) chở bị cáo đi công chuyện dùm, trên đường đi bị cáo phát hiện nhà anh Nguyễn Hoàng G ở khu vực C, phường D, quận Thốt Nốt, ngủ nhưng

không đóng cửa nhà, bị cáo kêu T chạy xe về và dặn T khi nào bị cáo gọi thì đến rước bị cáo. Sau khi quan sát thấy không có ai bị cáo leo rào đột nhập vào bên trong nhà, lấy trộm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A8 của Phạm Thị N và 02 túi xách nữ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Asus Zen fone 2 của em Nguyễn Thị Huỳnh M; số tiền 7.400.000đ của Nguyễn Hoàng G. Tổng tài sản bị cáo trộm trị giá 11.600.000đ (trong đó 7.400.000đ của bị hại G và 4.200.000đ trị giá 02 chiếc điện thoại theo Kết luận định giá tài sản số: 03/BKL.HĐĐGTS ngày 21/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân quận Thốt Nốt).

Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự, chỉ vì sự tham lam và ham muốn bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, bất chấp sự nghiêm cấm pháp luật mong muốn chiếm đoạt tài sản của người khác thành tài sản riêng của mình mục đích tiêu xài cá nhân.

Xét về nhân thân bị cáo có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích vẫn tiếp tục thực hiện hành vi tương tự, cho thấy thời gian cải tạo bị cáo trước đây là chưa đủ để bị cáo từ bỏ bản tính tham lam. Hội đồng xét xử thiết nghĩ cần tuyên phạt bị cáo mức án nghiêm trọng xứng với hậu quả và hành vi của bị cáo đã gây ra, tạo điều kiện cho bị cáo có thời gian tu rèn đạo đức, từ bỏ được bản tính tham lam biết lao động chân chính, sống phục thiện thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: ngày 31/01/2018 bị Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/5/2019, chưa được xóa án tích nay tiếp tục phạm tội được xem là tái phạm, bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản đối với người dưới 16 tuổi, các tình tiết này được quy định tại điểm h, i khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6] Về áp dụng hình phạt bổ sung: bị cáo không có nghề nghiệp, không thu nhập ổn định nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại yêu cầu bồi thường số tiền 10.400.000đ (trong đó 7.400.000đ của bị hại G và 3.000.000đ của bị hại N), bị cáo đồng ý theo yêu cầu bị hại, nên ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Oppo F7, màu đỏ, gắn sim 0939357715 của bà Nguyễn Thị Kim S là mẹ ruột bị cáo cho bị cáo mượn sử dụng, không liên quan đến việc phạm tội, nghĩ nên trả lại cho bà S.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu trắng, không sim và 01 điện thoại di động hiệu Fox fone, gắn sim 0765979497 của Nguyễn G D không liên quan đến việc phạm tội, nghĩ nên trả lại cho anh D.

Đối với 01 xe mô tô biển số 69AL - 003.02 do Chu Hoàng T đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe là của anh Võ Tuấn E, Tuấn E không biết mượn xe để chở bị cáo đi trộm, nghĩ nên trả lại cho Tuấn E là phù hợp.

[9] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh, áp dụng điều luật, mức hình phạt đối với bị cáo, là có căn cứ nên được chấp nhận.

[10] Các vấn đề khác:

Đối với Nguyễn Tuấn T có hành vi sử dụng xe mô tô biển số 69AL – 003.02 chở T nhưng không biết T đi trộm cắp tài sản người khác nên cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

Đối với Đặng Kim Văn T, chưa xác định được có mua điện thoại do bị cáo bán, cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

[11] Về án phí: bị cáo Nguyễn Quốc T phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định, miễn án phí dân sự cho bị cáo do gia cảnh khó khăn.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Căn cứ vào:**

- Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h, i khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 .

- Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015;

- Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 468; Điều 584; 585 và Điều 589 Bộ luật Dân sự 2015;

- Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**1.** Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc T phạm tội: *“Trộm cắp tài sản”*.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Quốc T** 02 (hai) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày 12/3/2020.

Hình phạt bổ sung: miễn cho bị cáo.

**2.** Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện, buộc bị cáo bồi thường cho bị hại Nguyễn Hoàng G số tiền 7.400.000đ (*bảy triệu bốn trăm ngàn đồng*) và bồi thường 3.000.000đ (*ba triệu đồng*) cho bị hại Phạm Thị N.

*“Kể từ ngày bị hại hoặc người đại diện có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị cáo chậm bồi thường số tiền trên thì phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015”*

**3.** Về vật chứng:

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim S 01 điện thoại di động hiệu Oppo F7, màu đỏ, gắn sim 0939357715.

Trả lại cho anh Nguyễn G D 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu trắng, không sim và 01 điện thoại di động hiệu Fox fone, gắn sim 0765979497.

Trả lại cho anh Võ Tuấn E 01 xe mô tô biển số 69AL - 003.02 do Chu Hoàng T đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe .

*Các vật chứng trên hiện Chi cục thi hành án dân sự quận Thốt Nốt đang quản lý theo Quyết định chuyển vật chứng số 115/QĐ-VKS ngày 26/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt.*

#### **4. Về án phí:**

- Án phí hình sự sơ thẩm: bị cáo Nguyễn Quốc T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm: miễn cho bị cáo do gia cảnh khó khăn.

**5. Về quyền kháng cáo:** Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ tiếp theo của ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND quận Thốt Nốt;
- Công an quận Thốt Nốt;
- Chi cục THADS quận Thốt Nốt;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- lưu hồ sơ vụ án

### **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Khúc Thị Hồng**